

Tập 15

Xin mở kinh bốn, chúng ta xem trang tám mươi hai, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ câu cuối cùng.

“*Vị ác chi trọng giả, vô quá Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch thị nghiệp, tòng ư thượng phẩm phiền não nhi khởi*” (Y nói: Điều ác không gì nặng hơn Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch là nghiệp khởi từ phiền não thượng phẩm). “*Thượng phẩm*” là phiền não rất nặng, là phiền não hết sức thô nặng, “*chiêu Vô Gian khổ*” (chức lấy nổi khổ Vô Gian). “*Vô Gian*” là Vô Gian địa ngục, trong phần trước gọi nó là A Tỳ địa ngục.

“*Thử kinh đại lực, năng diệt thử đặng cực trọng tam chương, tức sanh Tịnh Độ. Nhược chương tánh phi Tam Đức, hà năng Vô Gian chuyên vi Cực Lạc? Tòng cực độn căn, thả luận thập niệm sanh tối hạ phẩm. Nhược tòng lợi căn, phi bất năng sanh thượng chi bát phẩm. Dĩ kỳ Ngũ Nghịch, Thế thị Tịch Quang, cố khả ư thử tịnh tứ Phật độ*” (Kinh này có sức to lớn, có thể diệt ba thứ chương cực nặng này, liền sanh về Tịnh Độ. Nếu tánh của các chương ấy chẳng phải là Tam Đức, làm sao có thể chuyên Vô Gian thành Cực Lạc? Xét theo căn cơ cực độn, lại còn nói mười niệm sẽ sanh trong phẩm thấp nhất. Nếu xét theo hàng lợi căn, không ai chẳng thể sanh trong tám phẩm thượng. Ấy là vì Thế của Ngũ Nghịch là Tịch Quang, nên có thể sanh trong bốn cõi Phật thanh tịnh ấy). Đoạn này rất khẩn yếu! Trong [khi giảng] Đại Kinh, chúng tôi đã từng nói: Phẩm vị vãng sanh cao hay thấp do gặp duyên khác nhau, đoạn này có thể chứng minh cho chúng tôi! Nếu chúng ta gặp duyên thù thắng, không chỉ có thể tiêu trừ tội cực nặng, mà còn có thể tăng cao phẩm vị.

Duyên có hai loại:

1) Một loại là thiện hữu. Kinh gọi [thiện hữu] là “thiện tri thức”, chúng ta thường gọi là “thầy”. Vị thầy ấy có phải là thật sự hữu tu, hữu chứng hay không? Nói cách khác, vị ấy có thật sự hiểu rõ triệt để Tịnh Độ hay không, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Đây là một duyên rất quan trọng.

2) Một duyên khác là hoàn cảnh tu học. Trong hoàn cảnh, quan trọng nhất là đồng tham đạo hữu. Một người thành tựu thì một là nhờ thầy, hai là bạn. Có thầy tốt, mà chẳng có đồng tham đạo hữu tốt, chẳng thành tựu dễ dàng. Vì thầy chẳng thể bầu bạn cộng tu cùng quý vị, người sẽ bầu bạn cộng tu với chúng ta chính là bạn học. Vì thế, phải có đồng học thật sự tốt đẹp, có thể thường cùng ta trau dồi, rèn giũa.

Hai điều này hễ thiếu một sẽ chẳng dễ dàng! Vì thế, gặp được thầy tốt, lại còn phải có bạn học tốt. Tiếp đó là hoàn cảnh tu hành, điều này cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng nhất là hai điều kiện trên đây. Vì thế, có thầy tốt, lại có đồng tham đạo hữu tốt, lại còn có hoàn cảnh tu học tốt, đạo nghiệp tất nhiên tăng trưởng.

Người học Phật, thời cổ nói là “*tham học*”. Thật ra, tham học là đi tìm ba điều kiện ấy. Đến khắp nơi xem xét, nghe nhiều, đương nhiên vẫn phải là [tìm tòi] một nơi phù hợp với căn tánh của chính mình, phù hợp với chí thú của chính

mình. Có điều kiện tốt đẹp như thế, đặc biệt là trọn đủ điều kiện, người ấy sẽ ở lại nơi đó, suốt đời cũng chẳng rời khỏi. Trong Cao Tăng Truyện, chúng ta thường thấy chuyện này, cả ba điều kiện ấy thấy đều trọn đủ, [người tham học sẽ trụ mãi ở nơi đó]. Trong xã hội hiện tiền, thường được gọi là xã hội công lợi¹. Nói thật thà, xã hội xưa kia thuộc loại xã hội đạo nghĩa. Làm cường đạo thô phỉ cũng có đạo nghĩa, trộm cướp cũng có đạo nghĩa! Hiện thời là xã hội công lợi, xã hội công lợi quá đáng sợ! Chẳng có đạo nghĩa! Nói cách khác, rất khó tìm được cả ba điều kiện ấy. Gặp được thầy tốt, chưa chắc đã có đồng học tốt. Có đồng tham đạo hữu tốt đẹp, chẳng có thầy tốt chỉ dẫn, hoàn cảnh tu học càng khó hơn nữa!

Trong tình hình ấy, nói thật thà, học các pháp môn khác hết sức khó khăn, chỉ có mỗi cách thật thà niệm Phật là còn được, chúng ta còn có thể đạt được mục tiêu này, thật sự thật thà niệm Phật. Niệm Phật là sám hối nghiệp chướng, chúng ta biết [chính mình] tội nghiệp rất nặng. Nay kể như đã hiểu tội nghiệp là gì? Là khởi tâm động niệm, tà tri tà kiến, tham, sân, si, mạn, đó là nghiệp chướng. “*Nghiệp*” là tạo tác, là động tác. “*Chướng*” là chướng ngại bản tánh, chướng ngại tâm thanh tịnh, khiến cho công phu niệm Phật của chúng ta chẳng thể thành phiền, chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, Chướng chính là ngăn chướng điều ấy! Có thể thật thà niệm Phật, hễ ý niệm vừa dấy lên, bèn dùng một câu Phật hiệu để thay thế. Niệm Phật hiệu rất siêng năng, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, xác thực là phương pháp tiêu nghiệp chướng thù thắng nhất. Kinh luận có dạy chúng ta: Nghiệp chướng cực nặng, tất cả hết thảy phương pháp đều chẳng tiêu thì phương pháp niệm Phật có thể tiêu. Từ đoạn này, chúng ta lại thấy, tội nghiệp cực nặng vẫn có thể vãng sanh thế giới Tây Phương.

Tội nghiệp cực nặng, lại là cực độn căn, mà vẫn còn có thể sanh trong hạ phẩm, khó có thay! Tội nghiệp cực nặng, nếu là lợi căn, còn có thể sanh trong tám phẩm trên. Trong tám phẩm trên, cao nhất là thượng phẩm thượng sanh. Nghe điều này chúng ta thấy quái lạ, tạo tội nghiệp cực nặng mà còn có thể thượng phẩm thượng sanh ư? Có thể chứ! Trong kinh này có nói vua A Xà Thế tạo trọng tội Ngũ Nghịch, giết cha, hại mẹ, phá hòa hợp Tăng, phá hoại Tăng đoàn, đó là tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ. Trong Đại Tạng Kinh có bộ A Xà Thế Vương Kinh, đức Phật đặc biệt nói về vị vua này. Nhà vua đến khi lâm chung mới giác ngộ, mới sám hối. Vua vốn phải đọa vào địa ngục, nhưng vì căn cơ rất bén nhạy, sức mạnh sám hối rất lớn, nên vãng sanh thế giới Tây Phương trong phẩm vị thượng phẩm trung sanh, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, chúng ta thường thấy có những kẻ tội nghiệp rất nặng, cũng chớ nên coi rẻ họ! Nói không chừng, họ một niệm sám hối, phẩm vị vãng sanh còn cao hơn chúng ta. Chúng ta niệm Phật suốt đời, thậm chí phẩm vị còn chẳng cao như họ! Như vậy thì chúng ta mới biết người vãng sanh có hai loại:

1) Một loại là bình thường niệm Phật, tích công lũy đức, loại này là vãng sanh thông thường.

¹ Công lợi (utilitarianism) có nghĩa là nhằm đạt được mục đích có lợi cho bản thân, bất kể phương tiện, không cần quan tâm điều đó sẽ gây ảnh hưởng có hại cho người khác hay không.

2) Loại kia là sám tội vãng sanh, tức là sám hồi vãng sanh, khi lâm chung mới hồi hận, mới triệt để ăn năn hối lỗi, có sức mạnh rất lớn.

Có hai loại như vậy, hai loại vãng sanh lớn như vậy.

Căn cứ lý luận là bất luận thiện, ác, tội, phước, hễ nói theo thể tánh, sẽ đều là Chân Như bản tánh. Vì vậy, công đức lễ sám lại chẳng thể nghĩ bàn. Chư vị phải hiểu lễ sám chẳng phải là chúng ta chiếu theo nghi thức sám hồi, đối trước Phật, Bồ Tát tụng niệm, vái lạy là được! Lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, lạy Đại Bi Sám, tội nghiệp có tiêu trừ hay không? Có lạy sạch tội được không? Có tiêu sạch tội nghiệp hay không, chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hiểu quá rõ ràng. Tức là sau khi quý vị lạy xong, tâm quý vị có phải là thật sự thanh tịnh, có phải là thật sự hồi cải, sửa lỗi đổi mới hay không? Trong khi lễ sám, trong tâm chính mình có thể hồi cải, sửa lỗi đổi mới thì nghiệp chướng có thể tiêu trừ. Đến tội cùng, tiêu nhiều hay ít cũng chẳng nhất định! Có người tiêu nhiều, có kẻ tiêu ít, có người như tôi đã thấy, không chỉ chẳng tiêu mà còn tăng thêm. Càng lạy, tội nghiệp càng nhiều, vì sao? Bái sám mà vẫn sanh phiền não, đó là bái sám tăng thêm tội nghiệp. Sanh phiền não như thế nào? Khi mọi người cùng nhau bái sám, chẳng hạn như người đánh pháp khí gõ trật, người ấy bèn nổi nóng khôn cùng: “Cớ sao lại đánh sai ở chỗ ấy?” [Luôn luôn cảm ràm]: “Chỗ này âm thanh to, chỗ kia âm thanh quá nhỏ”. Quý vị thấy đó: Vừa bái sám, vừa kèn cựa, làm sao được? Như thế thì sẽ chẳng có tác dụng gì. Đó là chuyện thường thấy trong đạo tràng!

Chúng tôi giới thiệu phần Luận Dụng đến đây. Tiếp theo là giáo tướng, tức phần Phán Giáo Tướng. Hàng thứ hai trong trang tám mươi ba, đoạn thứ năm là Phán Giáo Tướng. “*Thượng chi tứ chương*” (Trong bốn chương trước), những phần Thích Danh, Biện Thể, Minh Tông, Luận Dụng, bốn chương trên đây, “*giai thị ngôn giáo*” (đều là dạy bằng lời nói), đều là Giáo. “*Vị thuyên danh giáo, thuyên Thể, thuyên Tông, thuyên Dụng chi giáo dã*” (Đều là những lời dạy giảng về danh giáo, tức là giảng về Thể, giảng về Tông, giảng về Dụng), đây là nói đại lược [nội dung] của bốn chương trước. “*Nhược dĩ kỳ tướng nhi phân biệt chi, biệt linh lâm giả, quán chi hiển liễu. Có ước ngữ thời, nhị tạng, Đốn, Tiệm, dĩ thị kỳ tướng*” (Nếu dùng tướng để phân biệt, hòng khiến cho người xem hể nhìn vào sẽ hiểu rõ. Vì thế, ước theo năm thời, hai tạng, Đốn, Tiệm, để trình bày tướng của kinh này). Ngài giảng giải như vậy, kẻ sơ học như chúng ta chẳng dễ gì hiểu rõ. Nếu chúng ta nói theo cách hiện thời: Giáo giống như sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường hiện thời, mọi người sẽ dễ hiểu. Kinh điển là sách giáo khoa. Trong phần trước đã giảng về danh giáo, tức là nói tới Danh, Thể, Tông, Dụng, đó là nội dung của sách giáo khoa.

Giáo Tướng là chuyện như thế nào? Chúng ta quan sát cận kề bộ kinh điển này, đức Phật nói vào thời nào? Theo cách phân loại kinh Phật, kinh này thuộc loại nào? Kinh Phật được phân loại rất sớm, cách phân loại sách vở hiện thời rất tinh tế, quả thật rất thuận tiện cho người đọc sách. Sớm nhất ở Trung Quốc, có thể nói cách phân loại sách vở là do Phật giáo khởi xướng, chia hết thấy các kinh thành ba loại lớn, tức là Tam Tạng, gồm Kinh Tạng, Luật Tạng, và Luận Tạng,

phân loại như vậy. Vì cách phân loại trong Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến pháp thế gian, như cách phân loại trong Tứ Khố Toàn Thư là bắt chước cách chia [kinh điển] thành Tam Tạng trong kinh Phật, [sách vở thế gian được] chia thành Kinh, Sử, Tử, Tập. Trong phần Kinh, lấy mười ba kinh² [của Nho gia] làm cương lĩnh, lại chia thành các mục nhỏ, càng chia nhỏ, càng chi tiết. Kinh Phật được phân loại sớm nhất, trong cách phân loại kinh điển, kinh này thuộc loại nào. Điều này tạo thành một thứ tài liệu tham khảo để người đời sau dạy học [thuận tiện], mà cũng nhằm [xét xem] bộ sách này rốt cuộc thích hợp cho kẻ mới học, hay thích hợp cho người tu hành đã lâu? Giống như sách giáo khoa, sắp xếp chương trình học trong nhà trường, phải biết là xếp vào loại Trung Học? Hay là xếp vào sách Đại Học? Xếp vào lớp mấy? Dùng phương pháp gì để dạy học? Việc phân giáo chủ yếu nhằm cung cấp những ý nghĩa này; nhưng kể từ xa xưa, người phân giáo rất nhiều, có các cách nhìn khác nhau. Có người cho rằng kinh điển này thích hợp với hàng sơ học, có người cho rằng [kinh điển này] chẳng thích hợp với hàng sơ học. Vì thế, phân giáo chẳng do đức Phật phân định. Đức Phật chẳng nói những điều ấy, mà do người đời sau phân định. Do đó, phân giáo giúp cho chúng ta tham khảo cách nhìn của cổ đại đức, để cho chính mình tham khảo, đừng chấp chết cứng vào cách nói của cổ nhân, đó mới là tốt. Dẫu sao, các Ngài đều là bậc hữu tu hữu học, [những nhận định của các Ngài] đáng cho chúng ta tham khảo!

“*Giáo tướng giả, thử thị Đại Thừa Phương Đẳng giáo nhiếp*” (Xét theo giáo tướng, kinh này thuộc về Đại Thừa Phương Đẳng giáo). Phật giáo phân chia tổng quát thành Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tiểu Thừa tựa tựa như Tiểu Học, Đại Thừa gần như là Đại Học. Miễn cưỡng thì cũng có thể thêm vào Trung Thừa, nói thông thường, Trung Thừa là gì? Chính là từ Tiểu Thừa tách ra. Vì trong Tiểu Thừa có hai loại, một loại là Thanh Văn, loại kia là Duyên Giác. Cảnh giới chứng ngộ của Duyên Giác cao hơn Thanh Văn. Nếu nói ba thừa, sẽ là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa. Nếu nói hai thừa, thì là Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa tức là quy nạp Thanh Văn và Duyên Giác lại, gọi chung là Tiểu Thừa. Kinh này thuộc loại Đại Thừa, tức là trong hai thừa, kinh này thuộc loại Đại Thừa. Nếu xét theo ba thừa, sẽ thuộc loại Bồ Tát Thừa.

Trong mười hai phân giáo, kinh này thuộc loại Phương Đẳng Giáo. “*Mười hai phân giáo*” là nói tới hết thầy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài chọn phương thức nào. Các phương thức ấy giống như thể tài (genre) được sử dụng khi chúng ta viết văn trong hiện thời, có tất cả mười hai phương thức. Trong mười hai phương thức ấy, kinh này thuộc loại Phương Đẳng³.

² Mười ba kinh của Nho Gia (Thập Tam Kinh) là Châu Dịch (kinh Dịch), Thương Thư (kinh Thư), Thi Kinh (kinh Thi), Châu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Nhĩ Nhã, Mạnh Tử. Nói cách khác, mười ba kinh ngoại trừ Nhĩ Nhã (thuộc loại tự điển) và Hiếu Kinh ra, nội dung các “kinh” còn lại xoay quanh Tứ Thư (Đại Học và Trung Dung thật ra là các thiên sách trong Lễ Ký) và Ngũ Kinh (các bộ Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện là chú giải của kinh Xuân Thu).

³ Theo tông Thiên Thai, Phương Đẳng có ba cách hiểu:

Nếu nói theo hình thức, kinh này thuộc loại đề tài văn xuôi, thuộc loại Trường Hàng. Phương Đăng là nói theo Ngũ Giáo, tức là nói đến thời gian, đức Phật thuyết kinh này khi nào? Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, giảng bộ kinh đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm trong hai thất nhật, cũng có người nói là ba thất nhật. Hai thất là mười bốn ngày, ba thất là hai mươi một ngày. Đức Phật vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ mà giảng bộ kinh ấy, chẳng phải giảng cho nhân gian chúng ta. Nhân gian chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội Bồ Đề, đâu biết đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm trong Định! Vì thế, có tư cách nghe kinh thì đều phải vào trong Định của Phật thì mới có đủ tư cách đến nghe kinh. Do vậy, người Tiểu Thừa chẳng tin Đại Thừa, cho là Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói, mà do người đời sau biên soạn, chẳng phải là Phật giáo chân thật. Họ phản đối Đại Thừa, vì sao? Đối với họ, phải là nhục nhãn trông thấy thì mới chấp nhận, chứ trong Định sẽ không tính. Ta không thấy thì không tính. Vì lẽ đó, người Tiểu Thừa chấp nhận Thích Ca Mâu Ni Phật giảng pháp Tứ Đế độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, họ nói đức Phật bắt đầu thuyết pháp từ lúc đó, chẳng thừa nhận thời Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm xuất hiện cũng trễ. Kinh cho biết, sau khi đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm xong, Đại Long Bồ Tát đem kinh này cất giữ trong cung rồng. Mãi cho đến sáu trăm năm sau, Long Thọ Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, đến chơi, thăm viếng cung rồng, thấy bộ kinh này, mới đem kinh về thế gian, thế gian mới có kinh Hoa Nghiêm, mới biết có chuyện như thế. Long Thọ Bồ Tát mang Hạ Bản Hoa Nghiêm về, Ngài thấy [kinh Hoa Nghiêm] có ba bản Thượng, Trung, Hạ. Bản thượng vốn có mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Ngài nói phân lượng quá lớn, chúng sanh trong Diêm Phù Đề chẳng có năng lực tiếp nhận. Xem đến bản trung, bản trung đã ít hơn rất nhiều, nhưng nhân gian chúng ta cũng chẳng thể tiếp nhận được. Lại xem đến bản hạ, bản hạ có mười vạn kệ, có bốn mươi phẩm, được rồi, người thế gian chúng ta có thể tiếp nhận, Ngài liền đem bản hạ về nhân gian. Nhưng bản dịch kinh Hoa Nghiêm hiện thời ở Trung Quốc chẳng hoàn chỉnh, chỉ có một nửa bộ kinh, chúng

1. Giải thích theo Lý thì Phương là chánh đáng, khuôn phép, Đăng là bình đẳng. Hiểu theo nghĩa này, toàn bộ kinh điển Đại Thừa đều có thể gọi là Phương Đăng. Trong Duyệt Tạng Tri Tân, Ngẫu Ích đại sư giảng: “*Phương Đăng còn gọi là Phương Quảng... Bắt đầu từ Hoa Nghiêm cho đến Đại Niết Bàn, hết thấy các kinh thuộc về Bồ Tát Pháp Tạng đều gọi là kinh điển Phương Đăng*”. Ngài Nguyên Chiếu giảng trong A Di Đà Kinh Sớ như sau: “*Thật Tướng diệu lý, theo chiều ngang trọn khắp các pháp, nên gọi là Phương Quảng. Theo chiều dọc tột cùng thánh phẩm, nên nói là bình đẳng*”.

2. Giải thích theo mặt Sự thì Phương có nghĩa là rộng rãi, Đăng là quân bình. Hàm nghĩa: Trong thời thứ ba, khi đức Phật nói các kinh này, bất luận căn cơ lợi, độn, Tạng, Thông, Biệt, Viên, đều được lợi ích, nên gọi là Phương Đăng.

3. Ước theo cả Sự và Lý để giải thích, Phương là phương pháp, Đăng là Lý Thể bình đẳng. Nương theo phương pháp của tứ giáo đều khế nhập lý bình đẳng nên gọi là Phương Đăng. Sách Chỉ Quán quyển hai giảng: “*Phương Đăng hoặc còn nói là Quảng Bình, nay nói Phương là phương pháp. Bát Nhã có bốn phương pháp, tức là do bốn môn mà vào ao thanh lương, đó chính là Phương. Lý được khế nhập là đại huệ bình đẳng, đó chính là Đăng*”.

ta gọi là Lục Bộ Hoa Nghiêm, gồm tám mươi cuốn. Vì thế, kinh này chẳng hoàn chỉnh, truyền đến Trung Quốc bị thất lạc rất nhiều. Tuy kinh bản chẳng hoàn toàn, nhưng xét theo ý nghĩa, đại khái chẳng sai biệt nhiều lắm, có thể thấy được điều này. Hiện thời, trên khắp thế giới, kinh Hoa Nghiêm lưu truyền trên thế gian, có thể nói là chỉ có bản tiếng Hán nhiều nhất, kinh điển bằng tiếng Phạn đã bị mất.

Thời thứ hai là A Hàm. Sau A Hàm, đức Phật bèn giảng Phương Đẳng. Phương Đẳng là thời kỳ thứ ba. Phương Đẳng được nói ở đây chính là thời kỳ thứ ba. Thời kỳ thứ tư là giảng Bát Nhã, thời kỳ cuối cùng giảng Pháp Hoa và Niết Bàn. Đây là nói tới thứ tự kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Bộ kinh này được nói trong thời thứ ba, tức thời Phương Đẳng. “*Phó cơ nhiếp hóa, quảng lược bất đồng, đại bản nhị quyển*” (Ứng theo căn cơ mà nhiếp thủ, hóa độ, rộng, lược khác nhau, đại bản có hai cuốn). Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, “*Tán Vĩnh Gia niên trung, Trúc Pháp Hộ dịch*” (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Vĩnh Gia⁴ đời Tấn); khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ có nhắc tới bản này, tức bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ, nhưng bản dịch gồm hai cuốn này hiện thời chẳng còn, đã bị mất. Văn tự còn thấy ở chỗ này là do Trí Giả đại sư nói. Thuở Trí Giả đại sư tại thế hãy còn thấy bản này, nhưng bản này [hiện nay] đã thất truyền. Kinh Vô Lượng Thọ có tổng cộng mười hai loại bản dịch, thất truyền bảy bản, đây là một trong bảy bản bị thất truyền. Từ văn tự này, chúng ta có thể chứng tỏ, bản dịch của ngài Trúc Pháp Hộ bị mất sau đời Đường. Đại Tạng Kinh hiện thời không có bản dịch này. Chữ “*thứ bốn*” chỉ kinh này. “*Thị Tống Nguyên Gia thời, Cương Lương Da Xá u Dương Châu dịch*” (do ngài Cương Lương Da Xá⁵ dịch ở Dương Châu vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống). Giới thiệu cho chúng ta biết bản Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh này [là bản dịch] trong thời đại Lưu Tống⁶. Tống ở đây chẳng phải là Triệu Tống, mà là thời đại Lưu Tống. Trong niên hiệu Nguyên Gia, pháp sư Cương Lương Da

⁴ Vĩnh Gia là niên hiệu của Tấn Hoài Đế (Tư Mã Xí) từ năm 307 đến 313 nhà Tây Tấn.

⁵ Ngài Cương Lương Da Xá (Kalayas, 383-442), dịch nghĩa là Thời Xung, người xứ Tây Vực, tinh thông kinh luận, đặc biệt là Luật Tạng và A Tỳ Đàm. Ngài thích nhập Định, mỗi lần nhập Định thường đến bảy ngày. Ngài đến Trung Hoa vào năm Nguyên Gia nguyên niên (424), trụ tích tại Đạo Lâm Tinh Xá ở Chung Sơn, Kiến Nghiệp. Năm Nguyên Gia 19, Ngài du hóa khắp vùng Mân, Hàng. Đồ chúng theo học rất nhiều, hiện thời ngoài Quán Kinh, Đại Tạng còn giữ được một bản kinh khác do Ngài dịch là Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát Kinh. Ngài viên tịch tại Giang Lăng.

⁶ Nhà Lưu Tống tồn tại từ năm 420 đến năm 479, là triều đại có lãnh thổ lớn nhất trong thời Nam Bắc Triều, do Lưu Dụ (Tống Vũ Đế) sáng lập. Thoạt đầu vào năm 402, đại tướng Hoàn Huyền nhà Đông Tấn làm phản, chiếm cứ miền Nam, xưng quốc hiệu là Sở. Lưu Dụ đứng lên xướng suất quân Cần Vương, dần dần thế lực ngày càng mạnh, bèn khởi lên dã tâm, ép Tấn Cung Đế (Tư Mã Đức Văn) nhường ngôi cho mình. Do dòng họ Lưu Dụ xuất thân từ Bành Thành là đất cũ của nước Tống thời Xuân Thu, nên lấy quốc hiệu là Tống. Sử gọi triều đại này là Lưu Tống nhằm phân biệt với Triệu Tống (Bắc Tống và Nam Tống, 960-1279) do Triệu Khuông Dã sáng lập sau này. Nguyên Gia là niên hiệu của Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) từ năm 424 đến năm 453.

Xá là một vị cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc hoằng pháp, phiên dịch ở Dương Châu. “*Lưỡng kinh giai tại Vương Xá thành thuyết*”, [nghĩa là] bộ kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đều do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng tại thành Vương Xá. “*Phục hữu tiểu bản, danh A Di Đà, tại Xá Vệ quốc thuyết*” (Lại có tiểu bản tên là A Di Đà, nói tại nước Xá Vệ), đây là Phật Thuyết A Di Đà Kinh do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, kinh ấy được giảng tại nước Xá Vệ. Đó là ba kinh Tịnh Độ. “*A Di Đà, Vô Lượng Thọ, bỉ thử phương ngôn*” (A Di Đà và Vô Lượng Thọ lần lượt là tiếng địa phương của cõi kia và xứ này), trong phần trước [chúng ta] đã đọc thấy A Di Đà và Vô Lượng Thọ có cùng một ý nghĩa, tiếng Hán là Vô Lượng Thọ, tiếng Phạn là A Di Đà.

Kể đó, lại giới thiệu trong Tam Tạng và Nhị Tạng, kinh này thuộc loại nào. Chúng ta xem hàng thứ tư trong trang tám mươi tư: “*Nhị Tạng danh nghĩa, Bồ Tát Tạng thâu*” (Xét theo danh nghĩa của Nhị Tạng, kinh này thuộc về Bồ Tát Tạng). Nhị Tạng là A Hàm Tạng và Bồ Tát Tạng, cũng là pháp Đại Thừa và pháp Tiểu Thừa. Kinh này thuộc loại Đại Thừa, thuộc loại Bồ Tát Tạng. “*Tiệm, Đốn ngộ nhập, thử tức Đốn Giáo*” (Xét theo sự ngộ nhập là Tiệm hay Đốn thì kinh này chính là Đốn Giáo), nếu xét theo sự ngộ nhập, pháp môn này là Tiệm Giáo hay Đốn Giáo? Pháp môn Tịnh Độ, theo cách nhìn của tổ sư đại đức từ xưa tới nay, có thể nói khẳng định là các Ngài đều nhất trí công nhận là Đốn Giáo. Vì sao? Thành tựu trong một đời, chẳng cần đời đến đời thứ hai. Không chỉ là thành tựu trong một đời, nếu xem kinh Di Đà, hoặc kinh Vô Lượng Thọ, [sẽ thấy] bảy ngày thành tựu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày, bảy ngày thành tựu, không có gì đốn hơn được! “*Đốn*” là đốn siêu, chẳng có thứ tự, xác thực là đốn siêu.

Nói đến chuyện thành tựu rất nhanh chóng thì chẳng có pháp môn nào có thể sánh bằng Tịnh Tông. Mật Tông nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này) vẫn là một đời, pháp môn này bảy ngày thành tựu, thật đấy, chẳng giả! Rất nhiều đồng tu tu suốt bao nhiêu năm vẫn chưa thành tựu, bèn hoài nghi chuyện “bảy ngày thành tựu”. Thật ra, kinh chẳng sai, chính chúng ta đã phạm lỗi. Chính mình đã làm lỗi ở chỗ nào? Chính mình chẳng mong thành tựu, thậm chí là chính mình sợ hãi thành tựu. Nếu chúng ta đả Phật Thát ở đây, phía trên treo tám biển ghi “bảy ngày vãng sanh”, xem thử có ai đến hay không? Chẳng có ai đến cả! Ghê quá! Bảy ngày sẽ chết, còn ai dám đến nữa? Không có ai dám đến! Có thể thấy chúng ta nói đến thành tựu, miệng có, tâm không, chẳng phải là chân tâm. Người thật sự mong thành tựu, nhìn vào thời cổ, chẳng giả tí nào, thật sự mong vãng sanh. Quý vị thấy ngay như năm trước, cư sĩ Châu Quảng Đại tại Washington DC nước Mỹ niệm Phật ba ngày ba đêm [liền vãng sanh], có thể thấy đây là Đốn Giáo. Châu tiên sinh suốt một đời chưa từng nghe Phật pháp, bị bệnh nặng, chẳng có cách nào chữa lành, gặp thiện tri thức khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Kể ra, ông ta rất có thiện căn, nghe xong liền tin tưởng, bảo vợ con đều niệm Phật, giúp ông ta cầu sanh Tây Phương. Ông ta chẳng cần cầu lành bệnh, niệm suốt ba ngày ba đêm, Tây Phương Tam Thánh từ trên mây giáng xuống, tiếp dẫn ông ta vãng sanh. Có thể thấy là “hoặc một ngày” cho đến “hoặc

bảy ngày” chẳng giả. Nay chúng ta niệm mà chưa thấy Phật, Phật cũng chẳng đến tiếp dẫn, bèn biết là quý vị không chịu đi. Khi Phật hiện đến bèn sợ chết khiếp. Phật biết tâm chúng ta, chúng ta khởi tâm động niệm Ngài đều biết, quý vị là giả, Ngài sẽ chẳng đến. Nếu quý vị là thật, Ngài nhất định đến. Kinh này thuộc loại Đốn Giáo.

“*Chánh vị Vi Đề Hy cập chư thị nữ, tịnh thị phàm phu, vị chứng tiểu quả, cố tri thị Đốn, bất tùng Tiệm nhập*” (Chính vì bà Vi Đề Hy và các thị nữ đều là phàm phu, chưa chứng tiểu quả, nên biết [kinh này] là Đốn, chẳng từ Tiệm Giáo mà nhập), nói rất rõ ràng. [Đối tượng nghe] đức Phật thuyết pháp trong kinh này đứng đầu là phu nhân Vi Đề Hy, trong phần sau chúng ta sẽ đọc thấy. Năm trăm cung nữ trong cung đình đồng thời nghe đức Phật thuyết pháp. Khi ấy, nghe xong họ liền chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ chưa chứng tiểu quả, chẳng thuộc địa vị Bồ Tát tiến cao hơn từng cấp một, không có! Vì chẳng theo thứ tự, nên kinh này thuộc loại Đốn. Chúng ta đọc chú giải một lượt: “*Thử phi hóa nghi luận Tiệm, Đốn dã*” (Đây chẳng phải là luận định là Tiệm hay Đốn dựa trên hóa nghi), “*hóa*” (化) là giáo hóa, nói theo cách hiện thời là giáo học. “*Nghi*” (儀) là nghi thức, [hóa nghi] là nghi thức giáo học. Giống như nay chúng ta nói là sắp xếp khóa trình, tiêu chuẩn [để phân định] khóa trình, điều đó được gọi là “*hóa nghi*”. Ở đây, chẳng phải là nói tới hóa nghi là Đốn hay Tiệm. Xét theo hóa nghi là Đốn hay Tiệm thì Pháp Hoa là Đốn, Hoa Nghiêm là Đốn, những thời khác như A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã đều thuộc loại Tiệm Giáo, đều là tu học theo thứ tự.

“*Kim kinh phán tại Phương Đẳng, phi hóa nghi Đốn*” (Nay kinh này được phán định thuộc thời Phương Đẳng, nên không phải là Đốn xét theo hóa nghi), do đó, chẳng thể xét theo thứ tự thuận trong sự giáo học thông thường. “*Kim chi Đốn giả, nãi u hóa pháp*” (Nay nói là Đốn, chính là xét theo hóa pháp). “*Pháp*” là phương pháp giáo học. “*Dĩ Viên vi Đốn, nãi Đốn Giáo Tướng, phi Đốn Giáo Bộ dã*” (Do là Viên nên coi là Đốn, chính là tướng Đốn Giáo, chứ không thuộc về loại Đốn Giáo Bộ). Nếu là Đốn Giáo Bộ thì nếu chẳng thuộc vào Hoa Nghiêm Bộ, sẽ thuộc về Pháp Hoa Bộ, đó là Đốn Giáo Bộ. Kinh này thuộc Phương Đẳng Bộ, nhưng phương pháp trong kinh lại thuộc loại Viên Đốn; nếu theo cách thức xếp đặt thông thường, kinh này chẳng thuộc vào Đốn Giáo Bộ. “*Cố tữ Vi Đề, tức thân đắc Nhẫn*” (Tức là xét theo chuyện bà Vi Đề Hy đắc Nhẫn ngay trong thân hiện tại), phu nhân Vi Đề Hy tiếp nhận sự chỉ dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi nghe kinh xong, bèn có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là “*đốn siêu*”. Nói theo cảnh giới thấp nhất của Vô Sanh Pháp Nhẫn thì cũng là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Nói nghiêm ngặt, từ Thất Địa trở lên mới chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn! Có thể thấy địa vị của bà ta chẳng tuân theo thứ tự, ngay lập tức đạt tới địa vị cao dường ấy. Tiếp đó, lời Sớ viết: “*Thả Vô Sanh Nhẫn vị, tại Biệt Địa Viên Trụ*” (Hơn nữa, địa vị Vô Sanh Nhẫn thuộc về Sơ Địa trong Biệt Giáo, hay Sơ Trụ trong Viên Giáo), trong Biệt Giáo là Sơ Địa, trong Viên Giáo là Sơ Trụ. “*Biệt Giáo phàm phu, kinh vô số kiếp, phương chí thử vị*” (Phàm phu trong Biệt Giáo phải trải qua vô số kiếp mới đạt đến địa vị này). Nếu muốn chứng

đắc địa vị này, thông thường chúng ta hay nói là phải trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể chứng đắc, đó là nói phàm phu muốn chứng quả vị này. Bà ta cũng là phàm phu, đột nhiên chứng đắc quả vị này, đó là chuyện như thế nào? Tiếp đó, sách nói: “*Duy hữu viên nhân, tức sanh khả nhập*” (Chỉ có người thuộc căn cơ Viên Giáo mới có thể nhập ngay trong một đời này). Có thể thấy chứng tách của người nghe giáo là Viên Đốn, thuộc về căn tách ấy, nên vừa nghe liền khai ngộ, vừa khai ngộ liền khế nhập, liền nhập cảnh giới này, nhập là chứng.

Ngộ là gì? Nhập là gì? Ngộ là hiểu rõ, hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, đó là khai ngộ. “*Nhập*” là biến các đạo lý và phương pháp ấy thành sự hành trì trong cuộc sống của chính mình, tức là thật sự đạt được thụ dụng, đó là Nhập. Có người tuy đã ngộ, nhưng chính mình chẳng thể thụ dụng, chính mình vẫn là phàm phu, vẫn khổ não, tức là tuy ngộ nhưng chẳng nhập! Phật pháp quý ở chỗ khế nhập. Nay chúng tôi cũng đặc biệt nhấn mạnh điểm này, do đó, khuyên mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ. Niệm kinh Vô Lượng Thọ thì phải nhập cảnh giới của A Di Đà Phật, cách nhập ra sao? Tức là biến đạo lý trong kinh Vô Lượng Thọ thành tư tưởng và kiến giải của chính chúng ta, biến các giáo huấn trong kinh Vô Lượng Thọ thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, đó là Nhập. Nếu lý luận và phương pháp đều đã hiểu, nhưng chúng ta làm không được, đó là “chỉ ngộ, chẳng nhập”, vậy thì chẳng có tác dụng lớn lao gì! Chẳng thật sự đạt được thụ dụng! Thật sự ngộ nhập thì nhất định là lìa khổ được vui trong hiện tại, ngay lập tức cuộc sống của chính mình thay đổi, xác thực là biến đổi, mạng đã chuyển, lập tức chuyển, trong tương lai quyết định sanh về Tịnh Độ. Đó mới là thật sự học Phật. Nhất định phải biến lý luận thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, biến giáo huấn thành hành vi trong cuộc sống của chính mình, đó là điều quan trọng.

Trong hết thảy các kinh, chúng ta chọn lựa kinh Vô Lượng Thọ cũng là rất có lý. Kinh Vô Lượng Thọ được hết thảy chư Phật đề xướng, đó là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai là kinh Vô Lượng Thọ phân lượng không nhiều lắm, nhưng những điều được giảng trong ấy, phương diện nào cũng chu đáo, rất khó có! Ví như kinh Kim Cang, kinh Kim Cang hoàn toàn là Lý, hiểu rõ Lý thì được, nhưng ứng dụng trong cuộc sống như thế nào? Kinh chẳng giảng! Chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật nếu dùng kinh ấy làm căn cứ sẽ rất khó. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta hiếu thuận cha mẹ ra sao? Tôn kính sư trưởng như thế nào? Đối xử với đại chúng trong xã hội ra sao? Thấy đều giảng rất rõ ràng, đây là điều hết sức khó có! Đương nhiên là kinh giảng rất nhiều, gần như quá nửa bản kinh nói về chuyện này. Phần chuyên môn tập trung các giáo huấn về cách xử sự, đãi người, tiếp vật là từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, năm chương ấy toàn giảng về chuyện này. Vì thế, trong công khóa sớm tối của chúng ta trong hiện thời, khóa sáng chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện, khóa tối chúng ta niệm năm chương ấy. Niệm năm chương ấy với hy vọng có thể ứng dụng trong cuộc sống. Cuộc sống, cách xử sự, đãi người, tiếp vật của chúng ta đã có căn cứ ấy, tuân theo giáo huấn của A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật để làm. Đọc bốn mươi tám nguyện, hy vọng cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta giống như A Di Đà Phật. Tâm,

nguyện của chúng ta giống như Phật, giải và hạnh giống như Phật, đó gọi là “*khế nhập*”.

Kinh văn không dài, [thọ trì] dễ dàng! Giảng một lần cũng dễ dàng, đọc một lần cũng dễ dàng, thực hiện cũng chẳng khó. Nếu là những bộ đại kinh khác, như Hoa Nghiêm chẳng hạn, nói rất nhiều phương pháp, còn nhiều hơn kinh Vô Lượng Thọ, lý luận được giảng còn tỉ mỉ hơn, nhưng kinh quá lớn. Quá lớn sẽ chẳng tiện thọ trì, chẳng thuận tiện như quyển kinh này. Vì thế, đặc biệt chọn lựa bộ kinh này. Nhất là chúng ta nhằm vào mục đích mong sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là bộ kinh điển chánh yếu nhất của Tây Phương Tịnh Độ. Vì vậy, có khá nhiều lý do để chọn lựa bộ kinh này, mà chẳng chọn lựa kinh điển khác.

“*Nhược tương kết ích phán giáo*” (Nếu dựa theo các kết luận về sự lợi ích để phán giáo), “*kết*” là tổng kết, “*ích*” là lợi ích, tức là nói tổng kết, dựa theo lợi ích để nói, để phán giáo. “*Thiên Viên, tối vi minh hiển*” ([sẽ thấy] kinh này là Thiên Viên rõ rệt nhất). Kinh này là Viên Giáo, nhưng chẳng phải là Toàn Viên, mà là Thiên Viên. Nó chẳng phải là Thuần Viên. Thuần Viên là Pháp Hoa, Toàn Viên là Hoa Nghiêm. Thừa cùng quý vị, kinh Vô Lượng Thọ là Thuần Viên, là Toàn Viên, còn ở đây vì sao là Thiên? Vì những điều được giảng thiên về lý luận, phương pháp và nhân quả, trọn chẳng phải là giới thiệu toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, giới thiệu toàn thể [những điều đó] là kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng hạn như kinh này chẳng nói đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nên chẳng viên mãn. Trong kinh Vô Lượng Thọ có giảng lý luận, giảng về ba bậc vãng sanh, có nói tới chánh nhân vãng sanh. Ở đây giảng ba bậc chín phẩm giống như kinh Vô Lượng Thọ, nhưng kinh Vô Lượng Thọ giảng giản lược, còn kinh này giảng chi tiết. Tuy giảng chi tiết, vẫn chẳng hoàn toàn viên mãn! Viên mãn là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh này có thể bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ, dùng làm tài liệu để đọc bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ. “*Thị cố kim văn tữ ích định chi, thị Đốn, phi Tiệm*” (Vì thế, nay dựa theo lợi ích để phán định kinh văn này là Đốn, chẳng phải là Tiệm), nói theo mặt lợi ích, kinh này là Đốn Giáo.

“*Đề xưng Phật Thuyết, giản dị tứ nhân*” (Đề kinh ghi là Phật Thuyết, nhằm phân biệt khác với bốn hạng người). Phật pháp hết sức cởi mở, có tánh chất bao dung rất lớn, chẳng ích kỷ. Chẳng phải là nói kinh Phật thì chỉ có kinh nào do đức Phật đã nói thì mới gọi là kinh Phật, kinh do người khác nói chẳng thể gọi là kinh Phật! Đức Phật nói “có thể”, chỉ cần những điều quý vị nói có tông chỉ, lý luận và y cứ giống như những gì đức Phật đã nói, đức Phật đều chấp nhận: Quý vị nói giống như ta nói, đó là kinh Phật! Vì vậy, kinh Phật do năm hạng người nói: Có kinh do đức Phật nói, tức là đức Phật tự mình nói. Có kinh do đệ tử nói, tức là học trò của Phật nói. Có kinh do chư thiên nói. Có kinh do tiên nhân nói. Lại còn có kinh do người biến hóa nói. Nhiều người đều có thể nói như vậy, nhưng kinh do những người đó nói phải được đức Phật hứa khả thì mới được coi như do chính đức Phật nói. Nhưng hiện thời, đức Phật chẳng tại thế, đối với những gì do những người ấy nói, ai có thể chứng minh đó là kinh Phật? Đức Phật chẳng còn trụ thế,

nhưng còn có cái gọi là Pháp Ấn. Pháp Ấn là nói tới nguyên lý, nguyên tắc. Nguyên lý và nguyên tắc giống như đức Phật đã nói thì đều có thể gọi là “*kinh Phật*”. Tiểu Thừa có ba nguyên tắc là Vô Ngã, Vô Thường, Niết Bàn. Nếu chẳng trái nghịch những nguyên tắc ấy, những điều do những người ấy nói đều có thể gọi là Kinh, vì có tông chỉ chẳng khác những gì do đức Phật đã nói. [Pháp ấn của] kinh điển Đại Thừa là Thật Tướng, hễ phù hợp Thật Tướng thì chúng ta đều có thể thừa nhận đấy là kinh Phật, không nhất định phải là do đức Phật nói. Quý vị thấy tại Trung Quốc, Lục Tổ Đàn Kinh chẳng do đức Phật nói, mà do Huệ Năng đại sư nói. Huệ Năng là người Hoa, chưa từng đến Ấn Độ. Sự thừa truyền của Ngài là do hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn truyền trao. Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn cũng là người Hoa, cũng chẳng phải là cao tăng Ấn Độ truyền cho. Các vị tổ sư đại đức của các tông phái Đại Thừa tại Trung Quốc đều thừa nhận những điều ngài Huệ Năng đã nói có thể gọi là Kinh, vì sao? Tông chỉ của những điều do lão nhân gia đã nói quyết định chẳng mâu thuẫn với tông chỉ do đức Phật đã nói trong các kinh Đại Thừa. Đó là một thí dụ.

Tựa đề kinh này được khởi đầu bằng chữ “*Phật Thuyết*”. Thêm vào chữ này, vì kinh do chính miệng đức Phật thuyết, chẳng do bốn hạng người kia nói. Nếu do bốn hạng người kia nói thì tựa đề kinh chẳng thể ghi là Phật Thuyết. Hễ thêm vào chữ Phật Thuyết, nhất định là do chính đức Phật nói. Trong đề mục của kinh có thêm vào hai chữ mở đầu là Phật Thuyết thì có một nguyên tắc: Nhất định phải do chính miệng đức Phật nói ra. Ngoài ra, trong phần Chánh Tông, câu đầu tiên trong phần Chánh Tông do đức Phật nói, thông thường, kinh điển giống như vậy sẽ được thêm hai chữ Phật Thuyết vào đầu tựa đề. Nếu tuy là Phật thuyết, nhưng câu đầu tiên trong phần Chánh Tông chẳng phải do đức Phật nói, [tựa đề] kinh sẽ không mở đầu bằng chữ này. Giống như [tựa đề] các kinh Kim Cang, kinh Diệu Pháp Liên Hoa chẳng bắt đầu bằng chữ Phật Thuyết. Những kinh ấy đều là đức Phật và đệ tử một hỏi, một đáp, nhưng câu đầu tiên chẳng do đức Phật nói. Nếu câu đầu tiên do đức Phật nói, thông thường trong tựa đề của kinh ấy phải ghi thêm chữ Phật Thuyết, khiến cho chúng ta vừa thấy liền biết bản kinh ấy do chính miệng đức Phật nói ra.

Kế tiếp, chúng tôi sẽ giảng vào kinh văn. Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.